Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM

Năm 2010

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 3.8 205.944 – 3.8 205.947; Fax: 3.8 205.942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	**03 – 04**
Báo cáo Kiểm toán	**05 - 05**
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm 2010	12 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ Phần Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 87/UBCK-GP ngày 27/06/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Trụ sở của Công ty tại: Địa chỉ : Lầu 2 & 3 số 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa Phường Bến Thành , Q1 TPHCM

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lữ Bình Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Trinh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Trần Phát Minh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Lữ Bình Huy	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được Công ty áp dụng, tuân thủ theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo;
- Lập và trình bày các báo cáo trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2011

TM. Ban Giám Đốc
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM

Lê Bình Huy

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38.205.944 - 38.205.947 • Fax: 38.205.942
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 171/.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam** được lập ngày 14 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI
GLOBAL PRESENCE · LOCAL EXCELLENCE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	T. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**145,233,554,782**	**25,109,706,558**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**1.**	**90,347,877,835**	**18,726,444,794**
1.Tiền	111		88,347,877,835	9,726,444,794
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,000,000,000	9,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**3.**	**54,274,047,506**	**5,661,944,066**
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	2,013,088,506	5,661,944,066
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	257,400,000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	52,003,559,000	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**4.**	**611,629,441**	**721,317,698**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	277,855,228	61,674,431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.2	4,376,124	32,714,387
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.3	329,398,089	626,928,880
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**11,454,506,081**	**12,371,285,260**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**		**9,419,139,146**	**11,027,833,032**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**5.**	**2,914,489,297**	**4,071,294,436**
- Nguyên giá	222		5,714,735,964	5,509,936,965
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(2,800,246,667)	(1,438,642,529)
3. Tài sản cố định vô hình	**227**	**6.**	**6,504,649,849**	**6,956,538,596**
- Nguyên giá	228		8,437,883,164	7,945,508,164
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(1,933,233,315)	(988,969,568)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**230**			
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**	**7.**	**2,035,366,935**	**1,343,452,228**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7.1	1,844,546,417	1,221,651,448
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7.2	190,820,518	121,800,780
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**156,688,060,863**	**37,480,991,818**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM
Địa chỉ: Lầu 2 và 3, 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP.HCM

NGUỒN VỐN	Mã số	T. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**138,605,158,005**	**8,952,313,664**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**8.**	**138,605,158,005**	**8,952,313,664**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	8.1		48,072,410
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.2	100,905,845	10,409,203
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	8.3	286,989,798	291,463,451
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320			
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	8.4		23,600
10. Phải trả tổ chức phát hành trái phiếu	322			
11. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	8.5	138,217,262,362	8,602,345,000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II. Nợ dài hạn	**330**			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**	**9.**	**18,082,902,858**	**28,528,678,154**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**18,082,902,858**	**28,528,678,154**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		24,191,514	30,758,914
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21,941,288,656)	(11,502,080,760)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**156,688,060,863**	**37,480,991,818**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã Số	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		
3. Tài sản nhận ký cược	3		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		
5. Ngoại tệ các loại	5		
6. Chứng khoán lưu ký	6		
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8		
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9	1,439,352,448,000	65,712,620,000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	89,862,328,000	3,000,000
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	11		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50		
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	51		
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	52		
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	53	433,014,870,000	24,486,570,000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	54		
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	55		
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	82		
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	83		
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	84		

TP.HCM, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Đoan Thùy	Đinh Thị Bích Thủy	Lữ Bình Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM
Địa chỉ: Lầu 2 và 3, 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**10.**	**4,988,746,913**	**2,561,836,324**
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2,732,799,393	1,322,205,311
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2			
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3			
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4			
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		535,000,000	
- Doanh thu hoạt lưu ký chứng khoán	01.6			
- Doanh thu hoạt động ủy thác đấu gia	01.7			4,812,273
- Doanh thu chi thuê sử dụng tài sản	01.8			
- Doanh thu khác	01.9		1,720,947,520	1,234,818,740
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**2**	**11.**		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ *(10 = 01 - 02)*	**10**	**12.**	**4,988,746,913**	**2,561,836,324**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**	**13.**	**773,004,290**	**640,776,183**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**4,215,742,623**	**1,921,060,141**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	**14.**	**14,654,950,519**	**10,378,876,121**
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	**30**		**(10,439,207,896)**	**(8,457,815,980)**
8. Thu nhập khác	**31**			
9. Chi phí khác	**32**			**17,113,557**
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**			**(17,113,557)**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(10,439,207,896)**	**(8,474,929,537)**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**15.**		
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**			
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	**60**		**(10,439,207,896)**	**(8,474,929,537)**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**			

TP.HCM, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Đoan Thùy	Đinh Thị Bích Thủy	Lữ Bình Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T. minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1		6,065,396,519	2,686,878,704
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	2		(6,158,780,831)	(1,174,742,447)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3		(69,019,738)	(303,003)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6		1,756,710,081,755	345,472,209,515
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7		(1,624,299,386,672)	(322,545,962,032)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8			
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9			
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	10		(2,523,513,436)	(5,543,683,746)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(4,114,101,034)	(2,827,961,730)
10. Tiền chi trả lãi vay	12			
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13			
12. Tiền thu khác	14		40,579,395,959	565,415,413,246
13. Tiền chi khác	15		(93,146,367,917)	(584,037,821,744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**73,043,704,605**	**(2,555,973,237)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,422,271,564)	(828,147,806)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1,422,271,564)**	**(828,147,806)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM
Địa chỉ: Lầu 2 và 3, 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T. minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**71,621,433,041**	**(3,384,121,043)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**18,726,444,794**	**22,110,565,837**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**90,347,877,835**	**18,726,444,794**

TP.HCM, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Đoan Thùy	Đinh Thị Bích Thủy	Lữ Bình Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIỀN NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. *Hình thức sở hữu vốn:*

Công ty Cổ Phần Cổ Phần Chứng Khoán Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 87/UBCK-GP ngày 27/06/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Quyết định số 93/QD-SGDHCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại SGDCK TP. HCM

Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

2. *Lĩnh vực kinh doanh:* Chứng khoán

3. *Ngành nghề kinh doanh:*

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

5. *Niên độ kế toán:* Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

6. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

II Chế độ kế toán áp dụng:

1. *Chế độ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 95/2009TT-BTC ngày 24/10/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

III Các chính sách kế toán áp dụng:

1. *Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển*

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

2. *Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:*

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 ***Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*** Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:***

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. ***Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:*** Không phát sinh.

5. ***Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:***

5.1 ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:***

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2 ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:***

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

6. ***Hợp đồng thuê tài chính:*** *Không phát sinh.*

7. ***Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:*** *Không phát sinh.*

8. ***Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:***

8.1 ***Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: *Không phát sinh*

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh như chi phí trước thành lập, chi phí thuê mặt bằng, chi phí mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí lễ khai trương và lễ công nhận thành viên của HOSE.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Phân bổ đều trong thời gian 03 năm, tính từ năm bắt đầu hoạt động ..

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: *không phát sinh*

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

11. *Kế toán các hoạt động liên doanh:*

11.1 *Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:*

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt đông kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 *Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:*

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. *Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:*

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. *Ghi nhận chi phí phải phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:* *không phát sinh*

14. *Ghi nhận chi phí trả trước:*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. *Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi:* *Không phát sinh*

16. *Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:* *Không phát sinh*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

17. *Nguồn vốn chủ sở hữu:*

17.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

17.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

18. *Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:*

18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết qủa hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1-Tiền mặt (VND)	**9,014,100**	**2,983,337,682**
1.2-Tiền gửi ngân hàng (VND)	**88,254,342,909**	**5,458,480,502**
- Ngân hàng TMCP Phương Nam	88,115,537,886	4,271,408,771
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	103,362,083	1,180,586,124
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP. HCM	5,434,250	6,485,607
- Ngân hàng TMCP Á Châu	7,966,568	
- Far East National Bank (FENB)	20,931,522	
- Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	1,110,600	
1.3-Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	**84,520,826**	**1,284,626,610**
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	84,520,826	1,284,626,610
1.4-Tương đương tiền	**2,000,000,000**	**9,000,000,000**
- Ngân hàng TMCP Phương Nam (tiền gởi kỳ hạn)	2,000,000,000	9,000,000,000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	**90,347,877,835**	**18,726,444,794**

2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu		
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	78,878,420	1,519,805,401,000
- Trái phiếu	824,590	9,409,369,000
- Chứng khoán khác		
Tổng cộng	**79,703,010**	**1,529,214,770,000**

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1-Phải thu khách hàng	**2,013,088,506**	**5,661,944,066**
- Ngân hàng TMCP Phương Nam - PGD Bùi Thị Xuân		
- Trần Trọng Hòa		3,635,799,083
- Phan Hoàng Tuấn		667,659,681
- Vương Thị Liên	18,905,119	518,876,703
- Huỳnh Văn Hoàng	1,652,538,300	
- Nguyễn Phan Ngọc Dung	169,066,275	
- Đặng Thị Minh Luyến	46,813,440	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

- Phan Văn Thắm		477,486,033
- Phan Thị Thu		138,818,087
- Trần Trung Hiếu		127,438,148
- Tô Bình Quyền	32,652,564	29,907,149
- Tô Tư Phụng	32,951,216	29,895,210
- Nguyễn Hồng Phúc	32,205,892	
- Nguyễn Thái	27,955,700	
- Nguyễn Thị Việt Nhi		27,639,222
- Hồ Cao Anh		4,960,000
- Vũ Thị Bích Thảo		3,464,750
3.2-Trả trước cho người bán	**257,400,000**	
- Công ty CP TNHH QLN và KTTS NHTMCP Phương Nam	257,400,000	
3.3-Các khoản phải thu khác	**52,003,559,000**	
- Nguyễn Tiến Dũng	52,000,000,000	
- Phải thu khác	3,559,000	
3.4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	**54,274,047,506**	**5,661,944,066**

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	**277,855,228**	**61,674,431**
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	75,053,907	14,594,431
- Hiển thị thông tin trực tuyến		2,000,000
- Chi phí quảng cáo		45,080,000
- Chi phí trả trước khác	202,801,321	
4.2 Thuế GTGT được khấu trừ	**4,376,124**	**32,714,387**
4.4 Tài sản ngắn hạn khác	**329,398,089**	**626,928,880**
Tạm ứng	***92,650,089***	**54,060,000**
- Nguyễn Văn An		2,500,000
- Phan Văn Thắm	30,511,260	
- Trần Thị Hoàng Oanh	27,350,000	
- Lưu Đình Thịnh	34,788,829	51,560,000
Ký quỹ ngắn hạn	***236,748,000***	**572,868,880**
- Đặt cọc tiền thuê nhà Bùi Thị Xuân		562,868,880
- Đặc cọc thuê nhà (Công ty CP TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Phương Nam	221,748,000	
- Ký quỹ dịch vụ taxi thẻ MCC số 84085 7004/ML	15,000,000	10,000,000
Cộng tài sản ngắn hạn khác	**611,629,441**	**721,317,698**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

5. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	**427,484,000**	**5,012,910,985**		**69,541,980**	**5,509,936,965**
2 Số tăng trong năm		**172,598,999**	**32,200,000**		**204,798,999**
- Mua trong năm		172,598,999	32,200,000		204,798,999
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	**427,484,000**	**5,185,509,984**	**32,200,000**	**69,541,980**	**5,714,735,964**
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	**150,259,808**	**1,266,792,391**		**21,590,330**	**1,438,642,529**
2 Tăng trong năm	**144,406,978**	**1,188,480,246**	**3,536,254**	**25,180,660**	**1,361,604,138**
- Khấu hao trong năm	144,406,978	1,188,480,246	3,536,254	25,180,660	1,361,604,138
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm				**0**	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	**294,666,786**	**2,455,272,637**	**3,536,254**	**46,770,990**	**2,800,246,667**
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	277,224,192	3,746,118,594		47,951,650	4,071,294,436
2 Tại ngày cuối năm	132,817,214	2,730,237,347	28,663,746	22,770,990	2,914,489,297

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐVH khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá				
1 Số dư đầu năm		**7,736,239,900**	**209,268,264**	**7,945,508,164**
2 Số tăng trong năm		**492,375,000**		**492,375,000**
Bao gồm:				
- Mua trong năm		492,375,000		492,375,000
- Tăng khác				
3 Giảm trong năm				
Bao gồm:				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4 Số dư cuối năm		**8,228,614,900**	**209,268,264**	**8,437,883,164**
II. Giá trị hao mòn LK				
1 Số dư đầu năm		**948,157,875**	**40,811,693**	**988,969,568**
2 Tăng trong năm		**874,507,659**	**69,756,088**	**944,263,747**
- Khấu hao trong năm		874,507,659	69,756,088	944,263,747
- Tăng khác				
3 Giảm trong năm				
Bao gồm:				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4 Số dư cuối năm		**1,822,665,534**	**110,567,781**	**1,933,233,315**
III. Giá trị còn lại				
1 Tại ngày đầu năm		6,788,082,025	168,456,571	6,956,538,596
2 Tại ngày cuối năm		6,405,949,366	98,700,483	6,504,649,849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

7. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
7.1 Chi phí trả trước dài hạn	**1,844,546,417**	**1,221,651,448**
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	174,759,198	230,867,096
- Chi phí trước thành lập doanh nghiệp (phân bổ trong 3 năm)	330,261,450	990,784,352
- Chi phí sửa chữa văn phòng	861,678,081	
- Chi phí thuê kênh FPT	30,800,000	
- Chi phí đi cáp điện	447,047,688	
7.2 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	**190,820,518**	**121,800,780**
- Tiền nộp ban đầu (theo CV 1570 TTLKCK 15/08/2008)	121,497,777	120,000,000
- Tiền nộp bổ sung	54,343,722	303,003
- Tiền lãi phân bổ	14,979,019	1,497,777
Cộng tài sản dài hạn khác	**2,035,366,935**	**1,343,452,228**

8. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1-Phải trả người bán		**48,072,410**
- Tổng Cty Viễn Thông Quân đội - Viettel Telecom		2,292,400
- Trung Tâm Viễn Thông Khu Vực II		780,010
- Công ty cổ phần chứng khoán Viễn Đông		45,000,000
8.2-Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	**100,905,845**	**10,409,203**
- Thuế thu nhập cá nhân	100,588,240	10,409,203
- Thuế nhà thầu	317,605	
8.3- Chi phí phải trả	**286,989,798**	**291,463,451**
- Chi phí thuê nhà + điện nước tháng 12		261,285,349
- Chi phí dịch vụ giao dịch tháng 12 - SGDCK TP.HCM	121,324,192	28,131,674
- Chi phí dịch vụ giao dịch tháng 12 - SGDCK Hà Nội	8,084,416	2,046,428
- Hoa hồng đại lý	127,581,190	
- Phí quản lý cổ đông	30,000,000	
8.4- Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		**23,600**
8.5-Các khoản phải trả khác :	**138,217,262,362**	**8,602,345,000**
- Bảo hiểm xã hội		1,238,000
- Ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư	138,149,896,001	8,600,327,000
- Phải trả công nhân viên	67,322,679	780,000
- Phải trả khác	43,682	
Cộng nợ ngắn hạn	**138,605,158,005**	**8,952,313,664**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01.01.2009	**40,000,000,000**					**(3,027,151,223)**	**36,972,848,777**
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước							
Tăng khác					31,838,914		31,838,914
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước						(8,474,929,537)	(8,474,929,537)
Giảm khác					(1,080,000)		(1,080,000)
Số dư cuối năm trước.							
Số dư đầu năm nay	**40,000,000,000**				**30,758,914**	**(11,502,080,760)**	**28,528,678,154**
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay							
Tăng khác					22,741,542		22,741,542
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay						(10,439,207,896)	(10,439,207,896)
Giảm khác					(29,308,942)		(29,308,942)
Số dư cuối năm nay	**40,000,000,000**				**24,191,514**	**(21,941,288,656)**	**18,082,902,858**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Phương Nam	10.75%	4,300,000,000	2,000,000,000
- Công ty CP chứng khoán Capital			12,000,000,000
- Trần Thị Hồng Vân			1,200,000,000
- Phan Hoàng Tuấn			5,300,000,000
- Nguyễn Văn Trinh	28.25%	11,300,000,000	5,300,000,000
- Tô Bình Quyền			450,000,000
- Lữ Bình Huy	24.75%	9,900,000,000	4,400,000,000
- Lâm Lệ Yến	28.75%	11,500,000,000	
- Trần Phát Minh	7.50%	3,000,000,000	
- Vốn góp của các đối tượng khác			9,350,000,000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	**100%**	**40,000,000,000**	**40,000,000,000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ SH		
- Vốn góp đầu năm	40,000,000,000	40,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d) Cổ tức		
+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

e) Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	**4,000,000**	**4,000,000**
+ Số lượng cp đã bán ra công chúng	**4,000,000**	**4,000,000**
- Cổ phiếu phổ thông	4,000,000	4,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp đang lưu hành	**4,000,000**	**4,000,000**
- Cổ phiếu phổ thông	4,000,000	4,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/cp		
f) Các quỹ của doanh nghiệp	**24,191,514**	**30,758,914**
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	24,191,514	30,758,914
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

10. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
+ Doanh Thu môi giới chứng khoán niêm yết	2,494,585,669	1,001,603,556
+ Doanh thu môi giới chứng khoán OTC	238,213,724	324,244,955
+ Doanh thu ủy thác đấu giá		4,812,273
+ Doanh thu tư vấn	*535,000,000*	
+ Doanh thu khác	1,720,947,520	1,231,175,540
Trong đó:	***1,720,947,520***	***1,231,175,540***
- Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	*515,049,572*	*228,938,847*
- Doanh thu lãi tiền gửi hợp đồng có kỳ hạn	*620,440,492*	*249,039,788*
- Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán	*221,384,527*	*655,268,134*
- Doanh thu làm hồ sơ cầm cố	*177,081,952*	
- Doanh thu cho thuê quầy	*50,425,200*	*96,166,800*
- Doanh thu khác	*136,565,777*	*1,761,971*
Cộng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**4,988,746,913**	**2,561,836,324**

11. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

12. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	**4,988,746,913**	**2,561,836,324**

13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	615,613,092	251,888,984
+ Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	68,723,484	6,858,967
+ Chênh lệch lỗ tỷ giá chưa thực hiện		58,905,000
+ Chi phí hoạt động khác	88,667,714	323,123,232
Cộng chi phí hoạt động kinh doanh	**773,004,290**	**640,776,183**

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí nhân viên quản lý	4,583,752,888	2,957,209,426
+ Chi phí vật liệu quản lý	94,936,691	67,756,728
+ Chi phí công cụ đồ dùng văn phòng	349,471,052	332,933,075
+ Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2,305,867,885	2,114,577,337
+ Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,643,304,013	3,643,960,356
+ Chi phí bằng tiền khác	2,014,095,088	598,916,297
+ Chi phí trước thành lập công ty	660,522,902	660,522,902
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	**14,654,950,519**	**10,378,876,121**

15. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

16. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	(10,439,207,896)	(8,474,929,537)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	610,315,436	512,363,444
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Tổng thu nhập chịu thuế	(9,828,892,460)	(7,962,566,093)
+ Thuế TNDN phải nộp		
+ Thuế TNDN được miễn giảm		
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10,439,207,896)	(8,474,929,537)

17. THÔNG TIN BỔ SUNG

Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là số liệu cuối kỳ trên báo cáo năm 2009 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công Kiểm Toán Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

TP.HCM, ngày 14 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Đoan Thùy	Đinh Thị Bích Thủy	Lữ Bình Huy